

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÕ NHAİ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/3/2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly

hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhật và ông Hoàng Văn Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhài, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhài, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Võ Nhài xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 21/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đàm Văn L, sinh năm 1982;

Bị đơn: Chị Kiên Thị H, sinh năm 1986

Cùng nơi cư trú: xóm Đ, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(anh L có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nguyên đơn anh Đàm Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Kiên Thị H kết hôn năm 2005, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh L, chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu. Từ khi vợ chồng kết hôn chị H chỉ ở với anh L trọn vẹn được 05 năm, 14 năm nay chị H tự ý đi khỏi gia đình mà không được sự đồng ý của anh L và những người thân khác. Sau khi đi làm chị H ít khi về và ít quan tâm đến chồng con, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm ngày càng xa cách. Anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh L xác định quá trình vợ chồng chung sống có 02 con chung là Đàm Văn V sinh ngày 31/8/2006 và Đàm Ngọc T sinh ngày 18/8/2009,

hiện 02 con đang ở cùng bố, cháu V đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ly hôn anh L có nguyện vọng nhận nuôi cháu Đàm Ngọc T; Về cấp dưỡng nuôi con: anh L xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn chị Kiều Thị H trình bày:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa Nguyên đơn xác định giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai phát biểu ý kiến: về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đàm Văn L. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Đàm Văn L ly hôn chị Kiều Thị H; về con chung: giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Đàm Ngọc T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết do không có yêu cầu; cháu Đàm Văn V đã đủ 18 tuổi, không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung không giải quyết do không yêu cầu. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa anh Đàm Văn L và chị Kiều Thị H. Bị đơn Kiều Thị H có nơi cư trú tại xóm Đ, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về sự vắng mặt của bị đơn: phiên tòa được mở lần thứ hai, Bị đơn đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: xét nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Qua lời khai của các đương sự thấy:

Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó Bị đơn tự ý bỏ đi làm khi không được sự đồng ý của Nguyên đơn và những người thân trong gia đình, Bị đơn không quan tâm chăm sóc chồng con, đã đi ra làm xa nhà khoảng 14 năm nay, ít khi về nhà dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm.

Xác minh tại địa phương được địa phương cung cấp: Bị đơn đi làm công nhân ở địa phương khác, không có mặt tại địa phương, rất ít khi thấy Bị đơn về thăm gia đình. Bố mẹ chồng Bị đơn cũng xác định: Bị đơn tự ý bỏ đi khỏi nhà đi làm thuê ở nơi khác từ khi cháu Đàm Ngọc T mới được 02 tuổi, một năm chỉ về thăm gia đình được 03 - 04 lần rồi lại đi ngay. Mọi sinh hoạt trong gia đình và việc chăm sóc các con đều do Nguyên đơn thực hiện, Bị đơn không quan tâm đến chồng con. Khi Tòa án thụ lý vụ án và thông báo đến Tòa án để giải quyết đơn khởi kiện ly hôn của Nguyên đơn thì Bị đơn vẫn vắng mặt.

Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng Nguyên đơn là có thật, xuất phát từ việc Bị đơn tự ý đi làm ở địa phương khác, ít khi về nhà, là phụ nữ nhưng Bị đơn không vun vén chăm sóc gia đình, không thể hiện trách nhiệm, không quan tâm chồng con, cả hai vợ chồng không có sự chung sống, không có sự quan tâm chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 15/4/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2]. Về con chung: Nguyên đơn xác định vợ chồng có 02 con chung là Đàm Văn V sinh ngày 31/8/2006 và Đàm Ngọc T sinh ngày 18/8/2009, hiện 02 con đang ở cùng bố, cháu V đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly

hôn Nguyên đơn có nguyện vọng nhận nuôi cháu T; cháu T có nguyện vọng được ở cùng bố.

Xét nguyện vọng nhận nuôi con của Nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng muốn được ở cùng bố của cháu T, mặt khác Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của Bị đơn nên giao cháu Đàm Ngọc T cho Nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cháu V đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không đề nghị Bị đơn cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai về áp dụng pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 15/4/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đàm Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đàm Văn L ly hôn chị Kiều Thị H.

2. Về con chung: Cháu Đàm Văn V đã đủ 18 tuổi, không xem xét giải quyết. Giao cho anh Đàm Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Đàm Ngọc T sinh ngày 18/8/2009 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đàm Văn L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 0006715 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- UBND xã Dân Tiến, Võ Nhai, TN;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Huyền

